

Số/ No.: 20230314/KTGD/FUEKIVFS-CBTT

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

*Kính gửi:* Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

*Tại:* Thành Viên Lập Quỹ/ Nhà Đầu Tư/ Authorized Participants/ Investors

- Tên quỹ ETF/ <i>ETF name:</i>	Quỹ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT/ KIM GROWTH VNFINSELECT ETF
- Mã chứng khoán/ <i>Securities symbol:</i>	FUEKIVFS
- Tên Công ty Quản lý quỹ: <i>Fund Management company:</i>	Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam/ KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.
- Tên Ngân hàng giám sát/ <i>Supervisory Bank:</i>	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam/ Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam
- Ngày giao dịch hoán đổi/ <i>Exchange date:</i>	13/03/2023
- Đơn vị tính lô ETF/ <i>Unit:</i>	1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ 1 lot of ETF = 100 000 ETF shares

Chúng tôi thông báo Danh mục chứng khoán cơ cấu để hoán đổi như sau/ We announce the creation basket as follow:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng Volume	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
<b>I. Chứng khoán/ Securities</b>			
1	ACB	3,700	10.26%
2	AGR	100	0.09%
3	BID	300	1.58%
4	BMI	100	0.29%
5	BSI	100	0.20%
6	BVH	100	0.55%
7	CTG	900	2.93%
8	CTS	100	0.15%
9	EIB	1,500	3.42%
10	FTS	100	0.21%
11	HCM	300	0.81%
12	HDB	2,300	4.74%
13	LPB	1,900	3.12%
14	MBB	3,300	6.52%
15	MIG	100	0.16%
16	MSB	2,100	2.88%
17	OCB	1,000	1.80%
18	ORS	300	0.31%
19	SHB	3,200	3.60%
20	SSB	1,800	6.49%
21	SSI	1,400	3.09%
22	STB	2,500	7.24%
23	TCB	3,000	9.07%
24	TPB	1,200	3.21%
25	VCB	700	7.18%
26	VCI	400	1.24%
27	VDS	100	0.08%
28	VIB	1,400	3.27%
29	VIX	800	0.61%
30	VND	1,200	1.94%
31	VPB	6,100	12.43%
<b>II. Tiền/ Cash</b>			
	Tiền/ Cash (VND)	4,888,246	

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Spread between a basket and 1 lot of ETF in value*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* (VND)

893,195,000

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* (VND)

898,083,246

- Giá trị chênh lệch/ *Spread in value:* (VND)

4,888,246



- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ *Plan to reduce the spread*
- + Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order:
- + Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*  
 Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại  
*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/ *In case stock can be replaced by cash:*

STT No.	Mã chứng khoán <i>Securities code</i>	Tiền thay thế tương ứng 1 CP/ <i>Cash Substitution per share (VND)</i>	Đối tượng áp dụng/ <i>Applied to</i>	Lý do/ <i>Reason</i>
1	ACB	24,900	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	47,150	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
3	BSI	17,850	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
4	BVH	49,200	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
5	LPB	14,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MBB	17,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MSB	12,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	OCB	16,200	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	TCB	27,150	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	TPB	24,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
11	VCB	92,100	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo thông tư 121/2020/TT-BTC/ <i>Restriction of ownership by Circular 121/2020/TT-BTC</i>
12	VCI	27,850	VCSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch
13	VIB	20,950	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
14	VPB	18,300	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign Investors</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các chỉ tiêu khác/ *Other criteria:*

Chỉ tiêu/ <i>Criteria</i>	Kỳ này/ <i>This period (*)</i>	Kỳ trước/ <i>Last period (**)</i>	Chênh lệch/ <i>Difference</i>
	13/03/2023	10/03/2023	
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation units issued</i>			-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation units redeemed</i>			-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Outstanding shares</i>	7,700,000	7,700,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/ ccq)/ <i>Closing price</i>	9,040.00	8,950.00	90

- C. T. T -  
**CÔNG TY TNHH  
 TƯ VẤN QUẢN LÝ QUỸ  
 VIỆT NAM**  
 PHỐ CỖ

Chi tiêu/ Criteria	Kỳ này/ This period (*)	Kỳ trước/ Last period (**)	Chênh lệch/ Difference
	13/03/2023	10/03/2023	
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net asset value at valuation date			
của quỹ ETF/ of the Fund	69,152,410,012	69,813,414,604	(661,004,592)
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF creation unit	898,083,246	906,667,722	(8,584,476)
của 1 CCQ/ per Share	8,980.83	9,066.67	(85.84)
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,586.60	1,589.92	(3.32)

(\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 12/03/2023

/ Item 5 is net asset value at 12/03/2023

(\*\*) Chi tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại 9/03/2023

/ Item 5 is net asset value at 9/03/2023

Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company



**Yun Hang Jin**  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

